TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh,

Bà Tạ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Ngọc M, sinh năm 1978;

Căn cước công dân số: 031078004030 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số C, phường Đ, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1979;

Căn cước công dân số: 031179007683 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số C, phường Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Ngọc M trình bày: Ông tự nguyện kết hôn với bà Vũ Thị T vào ngày 02/8/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng (nay là UBND phường Đ). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thiếu tôn trọng nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau. Bà T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ giữa năm 2024, sau đó đi lao động ở nước Hồ N đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; ông xin ly hôn bà Vũ Thị Tuyết .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Lưu Việt H, sinh ngày 05/8/2004 và Lưu Vũ G, sinh ngày 29/9/2015. Hiện nay cháu Lưu Việt H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Lưu Vũ G đang do ông M nuôi dưỡng, ông có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của con. Hiện nay ông có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Vũ Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Mặc dù thông qua thân nhân của bà T là mẹ đẻ bà Nguyễn Thị H1 có căn cứ xác định bà T vẫn liên hệ với gia đình và nhận được văn bản tố tụng do tòa án tống đạt, nhưng thân nhân của bà T không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc hiện nay của bà cho Tòa án và bà T cũng không gửi lời khai về cho Tòa án dù Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt; bà T là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn bà T. Về con chung: Giao cháu Lưu Vũ G, sinh ngày 29/9/2015 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Cháu Lưu Việt H, sinh ngày 05/8/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông M xin ly hôn bà T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Ông M trình bày hiện bà T đang lao động tại Hồ N nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tại Biên bản xác minh ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng được Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H cung cấp: Qua kiểm tra trên cơ sở dữ liệu, không thấy thông tin xuất nhập cảnh của bà Vũ Thị T nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định bà T đang cư trú ở nước ngoài. Tại Biên bản xác minh ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng được Công an phường Đ xác định, hiện nay bà Vũ Thị T có nơi cư trú tại Tổ dân phố số C, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông M và bà T vắng mặt tại phiên tòa, ông M đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà T xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 02/8/2004. Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thiếu tôn trọng nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau. Bà T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ giữa năm 2024, từ đó vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa ông M và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của ông M, cho ông M được ly hôn bà T là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lưu Việt H, sinh ngày 05/8/2004 và Lưu Vũ G, sinh ngày 29/9/2015. Hiện nay cháu Lưu Việt H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Lưu Vũ G đang do ông M nuôi dưỡng, ông có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Lưu Vũ Gia M1 được ở với ông M. Ông M trình bày có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Lưu Vũ G cho ông Lưu Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp; ông M không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Ngọc M được ly hôn bà Vũ Thị Tuyết .

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Vũ G, sinh ngày 29/9/2015 cho ông Lưu Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cháu Lưu Việt H, sinh ngày 05/8/2004 hiện đã thành niên; đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Lưu Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006485 ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông Lưu Ngọc M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Khúc Thị Minh	**Tạ Thị Hương**	**Phạm Thị Ngà**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Đồ Sơn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà